TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nợ chung, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1980; cư trú: Tổ 27, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; cư trú: Tổ B, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa tất cả vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Võ Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Thị l tự tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T có tình cảm với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Hai bên gia đình có hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị D, sinh ngày 15/6/2004; Võ Thị Kim N, sinh ngày 10/5/2008 và Võ Bích V1, sinh ngày 29/3/2016. Hiện nay cháu D đã trưởng thành, có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu N và cháu V1 hiện đang sống cùng ông V. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà T.

Cháu Võ Thị Kim N và Võ Bích V1 có biên bản ghi nhận ý kiến: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, không yêu cầu gì về mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông V về hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Hai bên gia đình có hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Bà và ông V đã ly thân từ khoảng tháng 3/2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với ông V. Bà đồng ý cho ông V được tiếp tục nuôi dạy con chung và sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy khả năng của mình, ông V không được tỏ thái độ hay cấm cản việc thăm nom con. Ngoài ra, bà không còn ý kiến trình bày thêm.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà T theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông V, bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân ngày 28/5/2024 do Công an thị trấn L cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị T vẫn còn hộ khẩu tại ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin thực hiện tách chuyển đi nơi khác.

Tại phiên tòa, ông V và bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Ông V và bà Thị k đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên không công nhận vợ chồng và chấp nhận nguyện vọng của con chung được tiếp tục sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông V chung sống với bà T đến nay thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung, nợ chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Thị hiện có địa chỉ cư trú tại thị trấn L, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Văn V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông V và bà Thị t tìm hiểu, chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình *"Không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông V và bà T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị D, sinh ngày 15/6/2004; Võ Thị Kim N, sinh ngày 10/5/2008 và Võ Bích V1, sinh ngày 29/3/2016. Hiện nay cháu D đã trưởng thành, có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu N và cháu V1 hiện đang sống cùng ông V. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện con chung do ông V nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm cha con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở và hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu N và cháu V1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông V nên việc tiếp tục giao con chung cho ông V nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi

con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông V cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn V.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Võ Văn V được tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 10/5/2008 và Võ Bích V1, sinh ngày 29/3/2016. Công nhận tự nguyện của ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông V cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Võ Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009434 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (Ông V đã nộp đủ). Bà T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2024) thời hạn kháng cáo của ông V và bà T được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.